

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: 59/2018/ HNGĐ -ST
Ngày 29-11-2018
V/v: “Ly hôn giữa
chị D và anh B.”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đình Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1 Ông Cầm văn Nam;
2. Bà Nguyễn Thị Hoài Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dự – Thư ký Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương– Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 299/2016/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2016 về việc “ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Lệ D; sinh năm 1982; cư trú tại: Số X, đường N, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Phan Thái B; sinh năm 1977; cư trú tại: Số Y, đường Đ, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Ngô Thái Ng, sinh năm 1949 (chết); bà Phạm Thị Nh, sinh năm 1954; trú tại: Tô N, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Ph:

1/ Chị Ngô Thị Lệ Th, sinh năm 1972; trú tại: Thôn V, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

2/ Chị Ngô Thị Lệ Th1, sinh năm 1974; trú tại: Số J, đường N, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

3/ Chị Ngô Thị Lệ H, sinh năm 1977; trú tại: Thôn M, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

4/ Anh Ngô Thái H, sinh năm: 1979; trú tại: Số H, đường N, phường L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng.

5/ Anh Ngô Thái Th, sinh năm: 1984; trú tại: Số V, đường N, phường L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng.

6/ Chị Ngô Thị Lệ L, sinh năm: 1987; trú tại: Số, đường N, phường L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng.

7/ Ngô Thị Lệ Q, sinh năm 1990; trú tại: M, đường N, phường L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng.

(bà Nh, chị Th, chị Th1, chị H, anh H, anh Th, chị L, chị Q đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 14/9/2018 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ngô Thị Lệ D trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Phan Thái B đăng ký kết hôn vào năm 2000 tại UBND phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân tự nguyện đúng pháp luật, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Quá trình sống chung vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, vợ chồng ly thân đã lâu. Nay chị D yêu cầu ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị D khai có 02 con chung tên Phan Bình A, sinh ngày 29/9/2000 và Phan An H, sinh ngày 01/01/2004, chị D có nguyện vọng nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị D khai vợ chồng có các tài sản sau: GCNQSDĐ số 319496, thửa đất số 36, tờ bản đồ 3, diện tích 866m² tọa lạc tại thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; GCNQSDĐ số 319495, thửa đất số 6, tờ bản đồ 3, diện tích 2356m² tọa lạc tại thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; GCNQSDĐ số 319497, thửa đất số 7, tờ bản đồ 3, diện tích 1556m² tọa lạc tại thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; GCNQSDĐ, thửa đất số 132, tờ bản đồ E141L, diện tích 846m² tọa lạc tại xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; một phần diện tích đất (khoảng 3000m²), thửa 143, tờ bản đồ số 30 vợ chồng mua của ông Ng, bà Nh nhưng chưa sang tên tại xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng hiện chưa tách sổ. Chị D đề nghị Tòa án chia đôi khối tài sản chung của vợ chồng. Ngày 22/11/2018 chị D rút yêu cầu chia tài sản chung. Về nợ chung: Chị D khai không có.

Tại bản tự khai ngày 28/10/2016 bị đơn anh Phan Thái B trình bày: Anh xác nhận tình trạng hôn nhân, con chung như chị D trình bày. Xét thấy vợ chồng đã ly thân lâu, nay chị D xin ly hôn anh B đồng ý. Anh B có nguyện vọng nuôi cháu Phan Bình A. Về tài sản chung anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 13/4/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Thái Ng, bà Phạm Thị Nh trình bày: Khoảng năm 2014 ông Ng, bà Nh có chuyển nhượng cho vợ chồng D, B diện tích 03 sào (3.000m²) tại thửa 143, tờ bản đồ số 30, thuộc thôn N, xã L, huyện B, trên đất có trồng cây cà phê, giá 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu đồng), hiện nay chưa tách sổ. Ngoài ra ông Ng, bà Nh còn cho vợ chồng D, B mượn 03 sào đất thuộc thửa 125, tờ bản đồ

số 76 (mới đổi thửa và số bản đồ), cùng địa chỉ như trên. Trường hợp D, B Ly hôn ông, bà yêu cầu lấy lại diện tích đất đã cho mượn, còn diện tích đất hai bên chuyển nhượng thì sau này Tòa án giao cho ai sử dụng thì người đó làm thủ tục theo quy định. Ông, bà đề nghị được giải quyết vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Ng chết nên Tòa án đưa những người con của ông Ng tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Chị Th, chị Th1, chị H, anh H, anh Th, chị L, chị Q trình bày: Các anh, chị đều không yêu cầu Tòa án chia tài sản thừa kế của ông Ng và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, đương sự đã tuân thủ đúng theo trình tự của phiên tòa sơ thẩm quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét việc chị D rút yêu cầu chia tài sản chung là tự nguyện nên chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị Lệ D và anh Phan Thái B. Giao con chung Phan An H, sinh ngày 01/01/2004 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Phan Thái B đăng ký kết hôn vào năm 2000 tại UBND phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân tự nguyện đúng pháp luật, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Quá trình sống chung vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, vợ chồng ly thân đã lâu, nay hai người đồng ý ly hôn. Xét việc đồng ý ly hôn là tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật do vậy cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị D và anh B.

[2]. Về con chung: Nguyên vọng của chị D xin được nuôi cháu H và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Nguyên vọng của chị D phù hợp với nguyện vọng của cháu H, phù hợp quy định của pháp luật cần chấp nhận. Giao cháu Phan An H, sinh ngày 01/01/2004 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với yêu cầu của anh B được nuôi cháu Phan Bình A nhưng đến tại thời điểm xét xử cháu A đã đủ 18 tuổi nên không đề cập vấn đề giao con và cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung: Tại văn bản ngày 22/11/2018 chị D rút yêu cầu chia tài sản chung. Xét việc rút yêu cầu là tự nguyện cần chấp nhận, Hội đồng xét xử

đình chỉ đối với yêu cầu này. Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nên không xem xét.

[4] Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án chị D nộp số tiền 21.863.500đ (hai mươi một triệu tám trăm sáu mươi ba ngàn năm trăm đồng) chi phí tố tụng. Chị D rút yêu cầu chia tài sản và tự nguyện chịu chi phí tố tụng là 21.863.500đ (hai mươi một triệu tám trăm sáu mươi ba ngàn năm trăm đồng). Đây là yêu cầu tự nguyện cần chấp nhận.

[5]. Về án phí: Chị D chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Trả cho chị D tạm ứng án phí chia tài sản.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH ngày 27/02/2009 qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về quan hệ hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Ngô Thị Lệ D và anh Phan Thái B.

2/ Về con chung: Giao con chung Phan An H, sinh ngày 01/01/2004 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền thay đổi người nuôi con, quyền thăm nom con sau khi ly hôn và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo Luật Hôn nhân và Gia đình.

3/ Về tài sản chung: Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Ngô Thị Lệ D.

4/ Về chi phí tố tụng: Chị D chịu chi phí tố tụng là 21.863.500đ (hai mươi một triệu tám trăm sáu mươi ba ngàn năm trăm đồng). Chị D đã nộp đủ.

5/ Về án phí: Chị Ngô Thị Lệ D phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí HNGĐ sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2015/0005514 ngày 19/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Chị D đã nộp đủ tiền án phí ly hôn.

Trả lại cho chị Ngô Thị Lệ D số tiền tạm ứng án phí chia tài sản là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) theo biên lai thu số AA/2015/0005618 ngày 09/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B

Trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo, riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS TP. B;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- Chi cục T.H.A.D.S.TP. B;
- UBND phường L, TP.B,tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trịnh Đình Tú

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. B – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đình Tú
- Các Hội thẩm nhân dân:
 - + Bà Nguyễn Thị Hoài Thu.
 - + Ông Cầm Văn Nam

Vào lúc giờ ngày 29 tháng 11 năm 2018, đã tiến hành nghị án hồ sơ thụ lý số: 299/2016/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2016, về việc "ly hôn", giữa chị Ngô Thị Lệ D và anh Phan Thái B.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án HĐXX thảo luận và quyết định các vấn đề sau:

1/ Về quan hệ tranh chấp:

- + ý kiến của các Hội thẩm nhân dân : “Ly hôn”.
 - + ý kiến chủ tọa: Thống nhất với ý kiến của các HTND.
- Biểu quyết: Thống nhất 3/3.

2/ Về áp dụng pháp luật:

- + ý kiến của các Hội thẩm nhân dân

Áp dụng các điều 51, 56, 58 luật Hôn nhân và gia đình và Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH ngày 27/02/2009 qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

- + ý kiến chủ tọa: Thống nhất với ý kiến của các HTND.

Biểu quyết: Thống nhất 3/3.

3/ Về nội dung:

- + ý kiến của các Hội thẩm nhân dân:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ngô Thị Lệ D và anh Phan Thái B.

Về con chung: Giao con chung Phan An Hòa, sinh ngày 01/01/2004 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền thay đổi người nuôi con, quyền thăm nom con sau khi ly hôn và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tài sản chung: Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Ngô Thị Lệ D.

- + ý kiến chủ tọa: Thống nhất với ý kiến của các HTND.

Biểu quyết: Thống nhất 3/3.

4/ Về chi phí tố tụng: Chị D chịu chi phí tố tụng là 21.863.500đ (hai mươi một triệu tám trăm sáu mươi ba ngàn năm trăm đồng). Chị D đã nộp đủ.

5/ Án phí :

+ ý kiến của các Hội thẩm nhân dân: Chị Ngô Thị Lệ D phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí HNGĐ sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số

AA/2015/0005514 ngày 19/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.
Chị D đã nộp đủ tiền án phí ly hôn.

Trả lại cho chị Ngô Thị Lệ D số tiền tạm ứng án phí chia tài sản là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) theo biên lai thu số AA/2015/0005618 ngày 09/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B

+ ý kiến chủ tọa: Thống nhất với ý kiến của các HTND.

Biểu quyết: Thống nhất 3/3.

Ngoài ra các đương sự còn có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Buổi nghị án kết thúc lúc giờ ngày 29 tháng 11 năm 2018, các thành viên đã đọc lại biên bản và ghi nhận nội dung đã quyết định.

Hội đồng xét xử

Các Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hoài Thu – Cẩm Văn Nam

Trịnh Đình Tú.

